

Số: 2632 /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước và an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước và an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Tiền Giang (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Công Thương gửi báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính kèm theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt về Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 3. Giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành và đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / zlt

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, P.CVP Nguyễn Phương Bình, P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT (Khánh).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng



**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

**1. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực
thuộc trung ương - 2.001624.000.00.00.H58**

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Thành phần hồ sơ

Thành phần hồ sơ tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu (*sau đây viết tắt là Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017*) chưa rõ nên trong thực tế có nhiều cách hiểu và chưa phù hợp với thực tế, cụ thể:

Tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 quy định về thành phần hồ sơ: “Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn của các thương nhân bán lẻ; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của các thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn của doanh nghiệp xin cấp phép” (*đã được sửa đổi tại khoản 17 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ thành: “5. Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau: a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu”*), do đó, thành phần hồ sơ có hai cách hiểu như sau:

+ Trường hợp thứ nhất, thành phần hồ sơ gồm:

- 1) Bản sao hợp đồng nguyên tắc;
- 2) Thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống;
- 3) Bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu.

+ Trường hợp thứ hai, thành phần hồ sơ gồm:

- 1) Bản sao hợp đồng nguyên tắc **hoặc** thư xác nhận **hoặc** bản cam kết tham gia hệ thống;
- 2) Bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu.

b) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai



Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 không có hướng dẫn mẫu *hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận tham gia hệ thống bán buôn rượu, bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu* gây lúng túng cho cả thương nhân khi chuẩn bị hồ sơ và cơ quan quản lý khi hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

c) Về trình tự, thủ tục

Theo điểm b khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP quy định: *“Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân...”*.

Nhưng Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ đã sửa đổi quy định về điều kiện phân phối rượu và thành phần hồ sơ của thủ tục cấp Giấy phép bán buôn rượu theo hướng đơn giản hóa: Điều kiện phân phối rượu bỏ 03 điều kiện (*theo khoản 4 Điều 17 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020*), thành phần hồ sơ bỏ 03 tài liệu (*theo khoản 8 Điều 17 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020*). Tuy nhiên, quy định về trình tự, thủ tục chưa được sửa đổi cho phù hợp.

Các điều kiện phân phối như: Có quyền sử dụng hợp pháp kho hàng hoặc hệ thống kho hàng với tổng diện tích sàn sử dụng từ 50 m² trở lên; bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về điều kiện phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định đã được bãi bỏ thì không cần thiết phải thẩm định thực tế tại cơ sở.

1.2. Kiến nghị thực thi

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (*đã được sửa đổi theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP*) như sau: *“a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu”*.

+ Bổ sung các mẫu hướng dẫn: Hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận tham gia hệ thống bán buôn rượu, bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu.

+ Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (bỏ bước thẩm định thực tế tại cơ sở và rút ngắn thời hạn giải quyết khi đã bỏ thẩm định): *“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp giấy phép cho thương nhân...”*.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

+ Thống nhất về thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục, hạn chế tình trạng cơ quan quản lý nhà nước và thương nhân có cách hiểu khác nhau về thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục này.

+ Việc bổ sung các biểu mẫu hướng dẫn giúp thương nhân dễ dàng thực hiện và tiết kiệm thời gian khi chuẩn bị các thành phần hồ sơ, giúp cơ quan quản lý nhà nước thuận tiện trong việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

+ Giảm thời gian và tiết kiệm chi phí cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính khi bỏ bước thẩm định thực tế và rút ngắn thời gian giải quyết và thực hiện thủ tục trực tuyến mức độ 3, 4.

** Nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

2. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - 2.000626.000.00.00.H58

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Trong thành phần hồ sơ có “*Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác*” nhưng Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ và Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương không có biểu mẫu hướng dẫn.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Bổ sung biểu mẫu hướng dẫn cho thành phần hồ sơ “*Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác*”.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Việc bổ sung các biểu mẫu hướng dẫn giúp thương nhân dễ dàng thực hiện và tiết kiệm thời gian khi chuẩn bị các thành phần hồ sơ, giúp cơ quan quản lý nhà nước thuận tiện trong việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

** Nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - 2.000637.000.00.00.H58

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Về yêu cầu điều kiện:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định điều kiện “*Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá*”, quy định này không còn phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

Lý do: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã bỏ nội dung ngành, nghề kinh doanh.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị bãi bỏ quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

3.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, tạo sự thống nhất giữa cơ quan quản lý nhà nước và thương nhân trong việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

** Nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

II. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương -2.000607.000.00.00.H58

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bãi bỏ thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương để phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể:

Theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm thì: *Sở Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký, tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương.*

Căn cứ khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định: *“Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”*.

Như vậy, theo khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP thì Sở Công Thương không tiếp tục thực hiện thủ tục “Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm” nữa, Chủ cơ sở sẽ tự tổ chức tập huấn cho bản thân và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Công văn số 2323/BCT-KHCN ngày 31/3/2020 của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (*nội dung công bố liên quan các các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020*), thủ tục “Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm” chưa được công bố bãi bỏ dẫn đến khó khăn cho địa phương trong áp dụng và hướng dẫn chủ cơ sở thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi:

+ Bộ Công Thương công bố bãi bỏ thủ tục “Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm” thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (thủ tục này đã được công bố tại Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương) để làm cơ sở cho Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bãi bỏ thủ tục hành chính này.

+ Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan công bố bãi bỏ hoặc ban hành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương.

* Nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

